TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **193**/2024/HS-ST
Ngày: 22/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Quỳnh Chi**
*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Bà **Nguyễn Thị Thắng**
2. Bà **Lê Thị Hạnh**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Doãn Khắc Huy Hoàng -** Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 209/2021/TLST - HS ngày 6 tháng 8 năm 2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2024/QĐXX ngày 02/8/2024 đối với các bị cáo:

1. **Đinh Văn T** Sinh ngày: 01/6/2001;
Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;
HKTT: thôn Năm HT, xã PN, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12;
Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không;
Con ông Đinh Văn M, sinh năm 1973;
Con bà Hoàng Thị H, sinh năm 1973.
Cùng trú tại thôn Năm HT, xã PN, thị xã Nghĩa Lộ, Yên Bái;
Gia đình có 02 anh em, bị can là con thứ hai;
Vợ, con: chưa có;
Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 199 lập ngày 15/4/2024 tại Công an quận Bắc Từ Liêm và lý lịch cá nhân, bị cáo T không có tiền án, tiền sự.
Nhân thân bị cáo T có các bản án:
- Bản án số 16/2018/HS-ST ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", xác minh thi hành án phí hình sự sơ thẩm bị cáo đã thi hành xong, đã được xóa án tích.

- Bản án số 85/2018/HSST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt của Bản án số 16/2018/HS-ST ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, buộc chấp hành hình phạt chung là 12 tháng tù, ra trại ngày 13/02/2020, xác minh thi hành án phí hình sự sơ thẩm bị cáo đã thi hành xong, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/4/2024 đến nay tại Trại tạm giam số 1 - Công an TP Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Trọng C** Sinh ngày: 05/11/2000;
Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;
HKTT và chỗ ở: TDP VT 3, phường MK, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12;
Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không;
Con ông: Nguyễn Trọng T, sinh năm1973
Con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973.
Cùng trú tại TDP VT 3, phường MK, quận Bắc Từ Liêm,Hà Nội.
Gia đình có 03 chị em, bị can là con thứ ba.
Vợ, con: chưa có.
Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 197 lập ngày 15/4/2024 tại Công an quận Bắc Từ Liêm và lý lịch cá nhân, bị cáo C không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/4/2024 tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

3. **Lê Văn N** Sinh ngày: 25/6/2001;
Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;
HKTT: Thôn KĐ, xã XH, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12;
Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không;
Con ông Lê Ngọc D, sinh năm 1981
Con bà Lê Thị T, sinh năm 1983.
Cùng trú tại thôn KĐ, xã XH, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
Gia đình có 02 anh em, bị can là con thứ nhất.
Vợ, con: chưa có.
Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 198 lập ngày 15/4/2024 tại Công an quận Bắc Từ Liêm và lý lịch cá nhân, bị cáo N không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/4/2024 tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Chị **Nguyễn Thị A,** sinh năm 1985;
HKTT: TDP YN 2, phường LM, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.
Vắng mặt.
2. Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1980;
HKTT: Cụm X, xã LT, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội.
Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Anh Vũ Duy T, sinh năm 1995;
HKTT: Thôn YB, xã TL, huyện Mê Linh, TP Hà Nội.
Vắng mặt.
2. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm ;
HKTT:
Vắng mặt.
3. Anh Nguyễn Quang N, sinh năm 1987;
HKTT: Tổ 2 phường ĐT, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đinh Văn T và Nguyễn Trọng C quen biết nhau, giữa tháng 3/2024, T đến nhà Nguyễn Trọng C tại TDP VT 3, phường MK, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội chơi, T ở lại nhà C. T và C đã bàn bạc sử dụng xe máy đi trên các tuyến đường vắng người qua lại tìm người sơ hở để cướp giật tài sản hoặc T sử dụng xe máy Honda Wave alpha màu trắng đen bạc BKS 29L5-319.83 của C đi cướp giật tài sản rồi cùng nhau mang bán lấy tiền ăn tiêu. Trong thời gian từ tháng 3 đến tháng 4/2024, T, C đã thực hiện các vụ cướp giật tài sản như sau:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 23 giờ ngày 30/3/2024, T điều khiển xe máy Honda Wave alpha BKS 29L5-319.83 đi một mình trên đường Yên Nội, phường Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm thì phát hiện chị Vũ Thị P (SN 1986; HKTT: phố ĐD, phường PD, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội) điều khiển xe máy Honda Lead chở chị Nguyễn Thị A (SN 1985; HKTT: TDP YN 2, phường LM, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội) đi cùng chiều. Thấy chị A đang sử dụng điện thoại nên T điều khiển xe máy đi lên áp sát vào phía bên trái, dùng tay trái cướp giật được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 của chị A rồi bỏ chạy về nhà C. Đến 09 giờ sáng ngày 31/3/2024, T và C mang điện thoại cướp giật được đến cửa hàng điện thoại di động VT tại số X CG, phường QH, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội của anh Vũ Duy T (SN 1995; HKTT: thôn YB, xã TL, huyện Mê Linh, TP Hà Nội) bán được 800.000 đồng. Số tiền bán được, T và C chia nhau mỗi người 400.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua được điện thoại, anh Vũ Duy T đã tháo linh kiện để sữa chữa cho nhiều điện thoại khác nhau nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Bắc Từ Liêm không thu giữ được.

- Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 31/3/2024, T điều khiển xe máy Honda Wave alpha BKS 29L5-319.83 đi lang thang đến khu vực đường Kỳ Vũ thuộc

TDP Thượng Cát 4, phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, phát hiện chị Vũ Thị Hải Y (SN 1998; HKTT: cụm 1 xã LT, huyện ĐP, TP Hà Nội) điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda SH mode BKS 29X3-53552 chở mẹ là chị Nguyễn Thị M (SN 1980; HKTT: cụm 1 xã LT, huyện ĐP, TP Hà Nội) dừng ở ven đường. Thấy chị M đang xem điện thoại, T đã điều khiển xe máy tiến lại gần, dùng tay trái cướp giật được chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A32 màu tím của chị M rồi bỏ chạy về nhà C. Sau đó, C sử dụng tài khoản facebook "TC" của mình đăng trên facebook bán điện thoại cướp giật được của chị M. Lê Văn Nam sử dụng tài khoản "LL" nhắn tin hỏi mua nên T và C đã mang điện thoại đến bán cho Lê Văn N tại đường Văn Tiến Dũng, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội bán với giá 1.300.000 đồng. Số tiền bán điện thoại, T, C chia nhau, mỗi người 650.000 đồng chi tiêu cá nhân hết.

- Lê Văn N, khi mua điện thoại, N thấy điện thoại có mật khẩu, đã hỏi C, Chiến nói đây là "điện thoại nhảy" nên N biết điện thoại do phạm tội mà có nhưng vẫn mua. Sau khi mua điện thoại của C, N về phá mật khẩu, chạy lại máy. Đến ngày 03/4/2024, N bán lại cho anh Nguyễn Văn M với giá 1.300.000 đồng, anh M bán lại cho anh Nguyễn Quang N (SN: 1987, HKTT: tổ 2 phường ĐT, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình) với giá 1.650.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng gồm:

Thu giữ của Đinh Văn T: *01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6 màu vàng, số email: 354409061889015, lắp số thuê bao 0356761204 đã qua sử dụng.*

Thu giữ của Nguyễn Trọng C: *01 điện thoại di động kiểu dáng Realme C11 màu xám, lắp số thuê bao 0354078505 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, màn hình bị nứt vỡ; 01 xe máy kiểu dáng Honda Wave alpha màu trắng – đen – bạc, BKS 29L5-319.83, số khung RLHJA3901HY745195, số máy JA39E0725337 đã qua sử dụng.*

Thu giữ của Lê Văn N : *01 điện thoại di động kiểu dáng Xiaomi Mi11 Ultra màu trắng, lắp số sim 1: 0369944689 và sim 2: 0899636004, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu OPPO Find X5 Pro, không lắp số thuê bao, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.*

Thu giữ của Nguyễn Văn M: *01 điện thoại di động kiểu dáng Samsung A53 màu xanh lắp số điện thoại 0826883397 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S22 Ultra màu tím, số email: 352506280647629 đã qua sử dụng.*

Thu giữ của anh Nguyễn Quang N: *01 điện thoại di động kiểu dáng Samsung Galaxy A32 màu tím, không lắp số điện thoại, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 điện thoại di động kiểu dáng Samsung Galaxy M33 màu xanh - đen, không lắp số điện thoại, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.*

Thu giữ của anh Đỗ Văn D: *01 điện thoại di động kiểu dáng OPPO A57 màu đen, không lắp số điện thoại, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.*

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 264/KL-HĐĐGTS ngày 17/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự quận Bắc Từ Liêm kết luận:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh lá cây đã qua sử dụng, không thu giữ được trị giá **3.500.000 đồng**; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A32 màu tím đã qua sử dụng, số email: 35114248143198401 trị giá **1.300.000 đồng**.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 11 màu xanh lá cây đã qua sử dụng của chị Nguyễn Thị A không thu hồi được. Chị A yêu cầu T, C bồi thường trị giá điện thoại số tiền 3.500.000 đồng.

Đối với chiếc điện thoại Samsung Galaxy A32 của chị Nguyễn Thị M do anh Nguyễn Quang N giao nộp, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho chị M, chị M đã nhận lại điện thoại, không có yêu cầu bồi thường dân sự.

Đối với hành vi mua điện thoại Phone 11, quá trình điều tra xác định: Khi Chiến bán điện thoại cho anh T, C nói là điện thoại do C nhặt được. Do điện thoại có mật khẩu, mất Icloud nên anh T mua với giá 800.000 đồng để lấy linh kiện. Do đó xác định anh T không biết điện thoại Iphone 11 là do C cướp giật mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Đối với hành vi mua bán điện thoại của Nguyễn Văn M và anh Nguyễn Quang N, quá trình điều tra xác định: Khi mua điện thoại Samsung A32 của N, anh M không biết là tài sản do phạm tội mà có. Đồng thời anh M và anh N cùng làm nghề sửa chữa điện thoại nên Mạnh đã bán cho anh N. Do đó Cơ quan điều tra không đề cập, xử lý.

Anh N yêu cầu M bồi thường 4.250.000 đồng số tiền mua điện thoại.

Đối với xe máy BKS 29L5-319.83, quá trình điều tra xác định xe đăng ký, thuộc quyền sở hữu của Nguyễn Trọng C, xe không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng cùng 02 điện thoại thu giữ của T, C có liên quan đến hành vi phạm tội; 01 điện thoại Xiaomi thu giữ của Lê Văn N tiếp tục chuyển Chi cục Thi hành án để xử lý theo quy định pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra, Đinh Văn T, Nguyễn Trọng C, Lê Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Ngoài hành vi cướp giật 02 điện thoại nêu trên, T và C còn khai cùng nhau thực hiện nhiều vụ cướp giật điện thoại và trộm cắp điện thoại nhưng hiện chưa xác định được người bị hại, cụ thể như sau:

- Khoảng tháng 3/2024, T điều khiển xe máy Honda Wave alpha BKS 28L5-319.83 chở C cướp giật được 01 điện thoại Samsung Galaxy Ultra màu vàng của một người phụ nữ (không xác định được nhân thân, lai lịch) tại khu vực đường Tây Thăng Long, phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Điện thoại này, T và C đã mang bán cho một người không quen biết (không xác định được nhân thân, lai lịch) tại khu vực cổng làng Nguyên Xá, Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội) được 4.000.000 đồng.

- Khoảng 21 giờ ngày 01/4/2024, T điều khiển xe máy Honda Wave alpha BKS 29L5-319.83 đi một mình cướp giật được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M33 màu xanh đen của 01 một người đàn ông (không xác định nhân thân, lai lịch) điều khiển xe máy tại khu vực đường Tây Thăng Long, phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội. Điện thoại này, T và C mang bán cho Lê Văn N được 1.200.000 đồng, N bán lại cho anh Nguyễn Văn M được 1.900.000

đồng. Sau đó, anh M bán lại cho anh Nguyễn Quang N với giá 2.600.000 đồng. Anh N tự nguyện giao nộp điện thoại cho Cơ quan điều tra. Sau khi M mua điện thoại, sáng hôm sau N nói với M là điện thoại "nhảy" nên M biết điện thoại này là do phạm tội mà có. Khi mua điện thoại, anh N không biết tài sản là do phạm tội mà có (do điện thoại anh N đã chạy lại phần mềm, không có mật khẩu, M không nói gì về nguồn gốc điện thoại, anh N cũng không hỏi gì).

- Khoảng 21 giờ ngày 03/4/2024, C điều khiển xe máy Honda Wave alpha BKS 29L5-319.83 chở T cướp giật được 01 điện thoại OPPO A57 màu đen của một người phụ nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) tại khu vực đường 70 hướng đi Xuân Phương thuộc địa bàn phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội. Điện thoại này, T và C đem bán cho N với giá 1.500.000 đồng, sau đó N bán anh Đỗ Văn D (SN: 1987, HKTT: tổ X, phường PĐ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội). Anh D tự nguyện giao nộp điện thoại cho Cơ quan điều tra. Khi mua điện thoại, C nói là điện thoại nhặt được nên anh D không biết điện thoại do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

- Khoảng 21 giờ một ngày đầu tháng 4/2024, C và T điều khiển xe máy Honda Wave alpha BKS 29L5-319.83 trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Find X5 Pro màu đen trong hốc xe máy Honda Vision dựng trước cửa quán cắt tóc Hồng Nhung tại số 34 ngõ 35 đường Tu Hoàng, Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội. T và C mang điện thoại này bán cho Lê Văn N với giá 3.800.000 đồng. N tự nguyện giao nộp điện thoại cho Cơ quan điều tra.

Cơ quan điều tra đã rà soát người bị hại tại khu vực phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội và phường Xuân Phương và phường Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội nhưng hiện chưa xác định được. Quá trình xác minh xác định: Công an phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội và Công an phường Xuân Phương và phường Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội không tiếp nhận đơn tố giác cướp giật và trộm cắp tài sản tại các khu vực trên. Đồng thời, Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát camera, nhân chứng và đăng tải trên báo Công An nhân dân để tìm bị hại nhưng đến nay chưa xác định được. Do đó, ngày 04/7/2024, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định số 3408 tách hành vi cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản cùng các hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có đối với những vụ việc chưa xác định được người bị hại nêu trên để làm rõ, xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 180/CT-VKSBTL ngày 31/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã truy tố bị cáo Đinh Văn T tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Truy tố và Nguyễn Trọng C tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự. Truy tố Lê Văn N tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có " theo Khoản 1 Điều 323 – Bộ luật Hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 180/CT-VKSBTL ngày 31/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã truy tố các bị cáo Đinh Văn T, Nguyễn Trọng C về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Lê Văn N về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo T, C, N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng truy tố.

Bị cáo T xác định mình là người khởi xướng rủ C đi cướp giật tài sản, dùng xe máy của C làm phương tiện cướp giật tài sản. Đối với hai vụ cướp giật tài sản trong vụ án này, T tuy đi một mình nhưng đều đã bàn bạc với C, sử dụng xe máy của C, sau khi cướp giật được tài sản T đã mang về đưa cho C để cả hai cùng đi bán lấy tiền chia nhau mỗi người một nữa. Ngoài ra T còn nhiều lần cùng C sử dụng xe máy của C đi cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản nhưng do chưa xác định được bị hại nên Cơ quan điều tra đã tách vụ án để điều tra xử lý sau.

Bị cáo C xác định sau khi T đến nhà C chơi, T đã rủ C và cả hai cùng bàn bạc dùng xe máy của C để đi cướp giật, trộm cắp tài sản bán lấy tiền ăn tiêu. C xin chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm với T đối với hai vụ cướp giật tài sản mà T đã một mình thực hiện như Cáo trạng truy tố vì cả hai vụ cướp tài sản này C đều biết, đưa xe máy cho T đi cướp tài sản, sau khi cướp được tài sản T mang về cùng C đi bán lấy tiền chia nhau mỗi người một nửa.

Bị cáo N xác định bị cáo biết điện thoại do T và C cướp giật được để bán nhưng vì hám lợi nên bị cáo vẫn mua. Đối với điện thoại Samsung Galaxy A32 sau khi mua của C, bị cáo cần tiền nên đã bán lại cho anh M với giá 1.300.000 đồng không được hưởng lợi gì. Khi mua điện thoại của N, anh M không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Bị cáo N xin tự nguyện trả lại số tiền 1.300.000 đồng cho anh M và không có yêu cầu gì đối với số tiền bị cáo đã trả cho C và T khi mua điện thoại.

Đối với một điện thoại kiểu dáng Iphone 6 màu vàng đã qua sử dụng thu giữ của Đinh Văn T. 01 điện thoại di động kiểu dáng Realme C11 màu xám đã qua sử dụng Thu giữ của Nguyễn Trọng C. 01 điện thoại di động kiểu dáng Xiaomi Mi11 Ultra màu trắng thu giữ của Lê Văn N. Các bị cáo đều xác định đã sử dụng những điện thoại này để liên lạc với nhau khi thực hiện hành vi phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản Cáo trạng số 180/CT-VKSBTL ngày 31/7/2024 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự đối với Đinh Văn T, xử phạt Đinh Văn T từ ***48 (Bốn mươi tám)*** *tháng đến* ***54 (Năm mươi tư)*** *tháng tù.*

Áp dụng khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Trọng C; xử phạt Nguyễn Trọng C từ ***42 (Bốn mươi hai)*** *tháng đến* ***48 (Bốn mươi tám)*** *tháng tù.*

Áp dụng Khoản 1 Điều 323 – Bộ luật Hình sự đối với Lê Văn N; xử phạt Lê Văn N từ ***06 (Sáu)*** *tháng đến* ***09 (Chín)*** *tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách.*

Về xử lý vật chứng: Tịch thu xung công quỹ Nhà nước xe máy Honda Wave BKS 29L5-319.83 của Nguyễn Trong C;

Về Dân sự: người bị hại chị Nguyễn Thị M đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự nên Tòa không xét.

Các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị A số tiền 3.500.000

VND (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) là giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt của chị A, kỷ phần bồi thường của 2 bị cáo bằng nhau.

Các bị cáo phai nộp án phí HSST, án phí DSST và có quyền kháng cáo đối với bản án.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án các bị cáo xin hội đồng xét xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, qua xét hỏi, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các biên bản, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

[3] Những chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận:

Do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên Đinh Văn T và Nguyễn Trọng C đã bàn bạc sử dụng xe máy của C để cùng đi cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản lấy tiền ăn tiêu. Đinh Văn T đã sử dụng xe máy Honda Wave BKS 29L5-319.83 của Nguyễn Trọng C đi cướp giật tài sản sau đó mang về cùng với C đi bán lấy tiền chia nhau cụ thể như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 30/3/2024, Đinh Văn T đã điều khiển xe máy Honda Wave BKS 29L5-319.83 của C để đi cướp giật 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh lá cây trị giá 3.500.000 đồng của chị Nguyễn Thị A đang ngồi trên xe máy do chị Vũ Thị P chở ở đường Yên Nội, phường Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Sau khi cướp giật được tài sản, T mang về đưa cho Nguyễn Trọng C và cùng C đi bán chiếc điện thoại này cho anh Vũ Duy T được 800.000 đồng. T và C chia nhau mỗi người 400.000 đồng.

Khoảng 19 giờ ngày 31/3/2024, Đinh Văn T đã điều khiển xe máy Honda Wave BKS 29L5-319.83 của C để đi cướp giật 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A32 màu tím trị giá 1.300.000 đồng của chị Nguyễn Thị M đang dừng ở ven đường Kỳ Vũ, phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Sau khi cướp giật được tài sản, T mang về đưa cho Nguyễn Trọng C và cùng C đi bán chiếc điện thoại này cho anh Lê Văn N được 1.300.000 đồng. T và C chia nhau mỗi người 750.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản hai vụ cướp giật của T và C là 4.800.000 đồng,

Hành vi sử dụng phương tiện là xe máy đi cướp giật tài sản của người đang ngồi trên xe máy đi trên đường của các bị cáo Đinh Văn T và Nguyễn Trọng C thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm nên hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Đối với Lê Văn N khi mua chiếc điện thoại Samsung Galaxy A32 màu tím trị giá 1.300.000 đồng của T và C, N biết điện thoại này là do T, C phạm tội mà có nhưng vẫn mua nên hành vi của Lê Văn N đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có " theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm truy tố các bị cáo T, C, N, với các tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo C và T không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo N gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, tiếp tay cho kẻ phạm tội. Do vậy đối với các bị cáo phải xử lý nghiêm bằng hình phạt tù, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này đối với hành vi cướp giật tài sản, các bị cáo T và C vì muốn kiếm tiền ăn tiêu đã bàn bạc cùng nhau sử dụng phương tiện là chiếc xe máy của C để đi cướp giật tài sản. Trong đó bị cáo T là người khởi xướng, sử dụng xe máy của C đi cướp giật tài sản nên giữ vai trò chính. Bị cáo C tuy không trực tiếp đi cướp giật tài sản cùng với T nhưng C đã bàn bạc, đưa xe máy của mình cho T làm phương tiện đi cướp giật tài sản. (Ngoài ra C còn nhiều lần đi cùng T để cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản, do chưa xác định được bị hại nên chưa xử lý). Sau khi T cướp giật được tài sản, C đã cùng T đi bán lấy tiền chia nhau, C được chia phần như T nên bị cáo C phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm giúp sức cho T đối với hai hành vi cướp giật tài sản trong vụ án này của T.

Đối với hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có bị cáo N phải chịu trách nhiệm hình sự riêng về hành vi phạm tội của mình.

[5] Khi lượng hình phạt xét:

Bị cáo T có nhân thân xấu, đã bị phạt tù về tội Trộm cắp tài sản. Các bị cáo C và N nhân thân đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu.

Các bị cáo T và C hai lần thực hiện hành cướp giật tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Cũng xét tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa các bị cáo T, C, N đều thành khẩn khai nhận tội để cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp, kinh tế khó khăn nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Trách nhiệm dân sự:

Đối với bị hại chị Nguyễn Thị A bị cướp giật 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11. Chị A yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 3.500.000 đồng theo như kết luận định giá tài sản là có căn cứ buộc các bị cáo T và C phải bồi thường trả Chị A số tiền trên. Mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường trả chị A số tiền là 1.750.000 đồng.

Đối với bị hại chị Nguyễn Thị M đã nhận lại tài sản là chiếc điện thoại Samsung Galaxy A32 màu tím. Chị M không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự nên Tòa không xét.

Tại phiên tòa, bị cáo N xin tự nguyện trả lại số tiền 1.300.000 đồng cho anh M. Xét việc anh M mua điện thoại Samsung Galaxy A32 màu tím của N không biết là điện thoại do phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo N trả cho anh M số tiền 1.300.000 đồng. Sau khi mua điện thoại của N, anh M đã bán cho anh N với số tiền 1.300.000 đồng. Anh N đã tự nguyện nộp chiếc điện thoại này cho Cơ quan điều tra để trả cho bị hại .

Anh N không có yêu cầu gì về dân sự nên Tòa án không xét.

Đối với số tiền còn lại liên quan đến việc anh M bán cho anh N chiếc điện thoại Samsung Galaxy M33 màu đen đã được Cơ quan điều tra tách ra giải quyết bằng vụ án hình sự khác nên không xem xét trong vụ án này.

Đối với số tiền 1.300.000 đồng các bị cáo T và C có được từ việc bán chiếc điện thoại Samsung Galaxy A32 màu tím cướp giật của chị M cho bị cáo N. Tài sản đã được thu hồi trả cho chị M, đây là tiền do phạm tội mà có, bị cáo N đã dùng tiền của mình mua tài sản do phạm tội mà có nên không có yêu cầu gì đối với T và C. Do vậy cần buộc các bị cáo T và C phải nộp truy thu sung quỹ Nhà Nước, mỗi bị cáo phải nộp số tiền là 650.000 đồng.

Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người được thi hành án. Hội đồng xét xử xác nhận người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại các Điều 2,6,7,9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Người phải thi hành án dân sự về nghĩa vụ trả tiền phải trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại khoản khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đối với các điện thoại Samsung Galaxy M33 màu xanh đen do anh N giao nộp; 01 điện thoại OPPO A57 màu đen do anh Đỗ Văn D giao nộp; 01 điện thoại OPPO Find X5 Pro màu đen do Lê Văn N giao nộp cùng với số tiền Lê Văn N, các anh Nguễn Văn M, Nguyễn Quang N, Đỗ Văn D đã trả cho nhau khi mua bán các điện thoại này. Do các điện thoại này liên quan đến các hành vi cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có chưa xác định được bị hại, Cơ quan điều tra đã tách tài liệu, hồ sơ để điều tra xử lý sau nên nên Hội đồng xét xử không có đủ căn cứ để xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[8] Vật chứng của vụ án hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm đang quản lý gồm :

Đối với một chiếc xe máy kiểu dáng Honda Wave alpha màu trắng – đen – bạc, BKS 29L5-319.83, số khung RLHJA3901HY745195, số máy JA39E0725337 đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Trọng C là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với các vật chứng là 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6 màu vàng, (số emei 354409061889015, lắp số thuê bao 0356761204 đã qua sử dụng) thu giữ của Đinh Văn T. 01 điện thoại di động kiểu dáng Realme C11 màu xám, (lắp số thuê bao 0354078505 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, màn hình bị nứt vỡ) thu giữ của Nguyễn Trọng C. 01 điện thoại di động kiểu dáng Xiaomi Mi11 Ultra màu trắng, (lắp số sim 1: 0369944689 và sim 2: 0899636004, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong) thu giữ của Lê Văn N. Xét các điện thoại này tại phiên tòa các bị cáo đều xác định đã sử dụng để liên lạc với nhau khi thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà Nước.

Đối với 01 điện thoại di động kiểu dáng Samsung A53 màu xanh (lắp số điện thoại 0826883397 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S22 Ultra màu tím, (số emei 352506280647629 đã qua sử dụng) thu giữ của Nguyễn Văn M và 01 điện thoại di động kiểu dáng Samsung Galaxy A32 màu tím, (không lắp số điện thoại, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong) thu giữ của anh Nguyễn Quang N là tài sản của anh M và anh N không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho anh M, anh N các điện thoại này.

Việc xử lý các vật chứng trên theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điểm d khoản 2 Điều 171, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đinh Văn T, Nguyễn Trọng C. Khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 5; Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn N.

- Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333, Điều 337 của Bộ luật hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đối với cả ba bị cáo.

Tuyên bố:

Các bị cáo Đinh Văn T và Nguyễn Trọng C phạm tội "Cướp giật tài sản".

Bị cáo Lê Văn N phạm tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T **48 (bốn mươi tám)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/04/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng C **36 (ba mươi sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/04/2024.

Xử phạt bị cáo Lê Văn N **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/04/2024.

Trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo Đinh Văn T, Nguyễn Trọng C mỗi bị cáo phải nộp truy thu sung quỹ Nhà Nước số tiền là 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc các bị cáo Đinh Văn T, Nguyễn Trọng C phải liên đới bồi thường trả chị Nguyễn Thị A (sinh năm 1985; HKTT: TDP YN 2, phường LM, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội) số tiền 3.500.000 VND (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường trả chị Nguyễn Thị A số tiền là 1.750.000 VND (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc bị cáo Lê Văn N phải bồi thường trả anh Nguyễn Văn M, (sinh năm 1997; Trú tại: Xóm X, thôn QH, xã QL, tỉnh Nghệ An) số tiền 1.300.000 VND (một triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Vật chứng:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Một chiếc xe máy kiểu dáng Honda Wave alpha màu trắng– đen – bạc, BKS 29L5-319.83, số khung RLHJA3901HY745195, số máy JA39E0725337 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6 màu vàng, (số emei: 354409061889015, lắp số thuê bao 0356761204 đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động kiểu dáng Realme C11 màu xám, (lắp số thuê bao 0354078505 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, màn hình bị nứt vỡ); 01 điện thoại di động kiểu dáng Xiaomi Mi11 Ultra màu trắng, (lắp số sim 1: 0369944689 và sim 2: 0899636004, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong).

Trả cho anh Nguyễn Văn M 01 điện thoại di động kiểu dáng Samsung A53 màu xanh (lắp số điện thoại 0826883397 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S22 Ultra màu tím, (số emei: 352506280647629 đã qua sử dụng)

Trả cho anh Nguyễn Quang N 01 điện thoại di động kiểu dáng Samsung Galaxy A32 màu tím (không lắp số điện thoại, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong).

Các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm đang quản lý theo biên bản bàn giao vật chứng số 245/24 ngày 16/8/2024.

Án phí: Buộc các bị cáo Đinh Văn T, Nguyễn Trọng Ch, Lê Văn N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 VND (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 VND (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn M phải nộp 300.000 VND (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- Bị cáo;
- Bị hại;Người liên quan;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND TPHN;
- Công an quận Bắc Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm;
- Lưu HS, VP/.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đặng Quỳnh Chi